|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-UBND | *Đồng Tháp, ngày tháng năm 2023* |

**DỰ THẢO**

**BÁO CÁO**

**Đánh giá tác động của chính sách khuyến khích nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục, đào tạo và hỗ trợ hoạt động sáng tạo không chuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

**I. Xác định vấn đề bất cập tổng quan**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND do Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành ngày 16/7/2018 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 19/2018) nhằm khuyến khích nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục, đào tạo và hỗ trợ hoạt động sáng tạo không chuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Qua thực tiễn gần 05 năm triển khai thực hiện chính sách khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục, đào tạo và hoạt động sáng tạo không chuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 19/2018), đến nay đã xem xét hỗ trợ kinh phí cho 02 lượt tổ chức/ cá nhân trên địa bàn tỉnh với tổng kinh phí hỗ trợ là 631.167.000 đồng *(sáu trăm ba mươi mốt triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn đồng)*. Mặc dù việc hỗ trợ trong những năm qua còn khiêm tốn nhưng cũng đã khẳng định sự quan tâm của địa phương trong việc ban hành chính sách mới, dành sự hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân trong hoạt động nghiên cứu đổi mới sáng tạo, đồng thời khẳng định vai trò của khoa học và công nghệ trong sản xuất đời sống, nhận được đồng tình ủng hộ dư luận xã hội và được các doanh nghiệp đánh giá cao.

Chính sách khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục, đào tạo và hoạt động sáng tạo không chuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp minh chứng cho sự thống nhất giữa lý luận (cơ chế chính sách) và thực tiễn (giải pháp hỗ trợ) thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, là tiền đề của phát triển khoa học và công nghệ.

Chủ trương, quan điểm của Đảng tại Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2012 về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã xác định:

- Phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ là một trong những động lực quan trọng nhất để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong các hoạt động đóng vai trò quyết định thành công của sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ.

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý, công tác xây dựng chính sách, giải pháp, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ; cải tiến phương thức đầu tư tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Đầu tư cho nhân lực khoa học và công nghệ là đầu tư cho phát triển bền vững, trực tiếp nâng tầm trí tuệ và sức mạnh của dân tộc. Đảng và Nhà nước có chính sách phát triển, phát huy và trọng dụng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ.

- Ưu tiên và tập trung nguồn lực cho phát triển khoa học và công nghệ. Nhà nước có trách nhiệm đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển hạ tầng, nâng cao đồng bộ tiềm lực khoa học; Chú trọng nghiên cứu ứng dụng và triển khai; trọng tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ, là đầu vào quan trọng nhất của thị trường khoa học và công nghệ.

Chính phủ đã quy định một số chính sách và cơ chế tài chính về hoạt động khoa học và công nghệ, trong đó có các hoạt động như:

- Hoạt động nghiên cứu - triển khai (bao gồm nghiên cứu ứng dụng, triển khai thực nghiệm) do doanh nghiệp tự thực hiện hoặc ký kết hợp đồng với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

- Ứng dụng các kết quả khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ, sản xuất sản phẩm mới;

Tuy nhiên, thông qua việc triển khai chính sách đã phát sinh những tồn tại, hạn chế nhất định như: ***(i)*** Việc ban hành cơ chế, chính sách đặc thù bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Tỉnh là chưa phù hợp với các quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (theo quy định chính sách đặc thù phải được ban hành dưới dạng văn bản quy phạm pháp luật (Nghị quyết) của Hội đồng nhân dân Tỉnh); ***(ii)*** Việc triển khai nội dung hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục, đào tạo đến thời điểm báo cáo chưa phát sinh nhiệm vụ vì nhiều lý do như đối tượng và điều kiện hỗ trợ theo Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND chưa đảm bảo phù hợp thực tiễn và nhu cầu; phạm vi hỗ trợ còn hẹp. Bênh cạnh đó, một số cá nhân, tổ chức chưa nhận thức đầy đủ và chưa quan tâm tìm hiểu hoặc tham dự các lớp tập huấn phổ biến pháp luật.; **(iii)** Việc hỗ trợ hoạt động sáng tạo không chuyên về cơ bản quy định điều kiện để tổ chức/ cá nhân được hỗ trợ tương đối khó đáp ứng dẫn đến việc không có nhiều giải pháp sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp được xem xét, hỗ trợ; **(iv)** việc triển khai áp dụng Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT ngày 17/9/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học chưa được thực hiện.

**2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

- Xây dựng thành công cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh, trong đó xác định rõ nội dung chi, mức chi từ ngân sách nhà nước nhằm khuyến khích nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục, đào tạo và hỗ trợ hoạt động sáng tạo không chuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Nhằm khuyến khích nghiên cứu khoa học trong lực lượng học sinh, sinh viên, học viên tại cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài; phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng nghiên cứu khoa học độc lập của học sinh, sinh viên; hình thành năng lực nghiên cứu khoa học cho học sinh, học viên sinh viên; tạo ra tri thức, sản phẩm mới cho xã hội.

- Hỗ trợ các hoạt động sáng tạo, nhằm thúc đẩy hoạt động lao động sáng tạo không chuyên của các cá nhân, tổ chức trong lĩnh vực khoa học công nghệ, thúc đẩy việc áp dụng có hiệu quả các giải pháp kỹ thuật mới vào lao động, sản xuất và đời sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Tháp;

**II. Đánh giá tác động của chính sách**

**1. Chính sách 1: Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục, đào tạo**

1.1. Xác định vấn đề bất cập

*- Thực trạng của vấn đề*: Xuất phát từ thực tiễn công tác giảng dạy tại cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh, hoạt động nghiên cứu, tìm tòi tri thức của sinh viên, học viên, học sinh luôn luôn cần có và sản phẩm nghiên cứu tại cơ sở giáo dục, đào tạo đã minh chứng và góp phần đặc biệt vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy, đào tạo.

*- Phân tích các bất cập*: Chính sách hiện hành theo Quyết định 19/2018/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã bãi bỏ; trong thực tế đánh giá việc hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên, học sinh tại cơ sở giáo dục, đào tạo trong thời gian qua chưa có nội dung đăng ký hỗ trợ nội dung này do đã bộc lộ một số vấn đề khó khăn phát sinh trong thực tế; cụ thể như đối tượng áp dụng của Quy định kèm theo Quyết định 19/2018/QĐ-UBND còn hẹp, tính bao quát chưa cao, chưa sát với điều kiện thực tế hoạt động tại cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh hiện nay.

*- Hậu quả các bất cập*: sinh viên, học viên, học sinh tại cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh chưa tiếp cận những hoạt động nghiên cứu khoa học theo chương trình học tập của học sinh, sinh viên chưa được hỗ trợ, chưa có những sản phẩm nghiên cứu khoa học như mong muốn dẫn đến việc phát hiện và bồi dưỡng tài năng còn hạn chế.

*- Nguyên nhân các bất cập*: các nội dung hỗ trợ của chính sách hiện hành về cơ bản không phù hợp với thực tế hoạt động giảng dạy tại cơ sở giáo dục, đào tạo.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Ban hành chính sách khuyến khích nghiên cứu khoa học trong lực lượng học sinh, sinh viên, học viên tại cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giảng dạy, đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học của cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh thông qua hỗ trợ kinh phí nghiên cứu khoa học.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

**-** *Giải pháp 1:* giữ nguyên các nội dung quy định tại Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND và kế thừa quy định về mức kinh phí hỗ trợ thực hiện nội dung nghiên cứu khoa học theo Quyết định 19.

**-** *Giải pháp 2:*xây dựng các nội dung chính sách nhằm khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện cho sinh viên, học viên, học sinh tại cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh có những hoạt động nghiên cứu khoa học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài; phát huy tính năng động, sáng tạo, hình thành năng lực nghiên cứu khoa học cho học sinh, học viên, sinh viên như mục tiêu đề ra và áp dụng các quy định hiện hành về mức kinh phí hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

***\* Giải pháp 1:***

*a) Tác động về kinh tế:*

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ quy định của Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND có hạn chế là không tiếp nhận được nội dung đăng ký hoạt động nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục, đào tạo, thiếu gắn kết với công tác giáo dục, làm cho hoạt động hỗ trợ cho khoa học và công nghệ đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo còn hạn chế, chưa đạt mục tiêu đề ra. Do đối tượng và điều kiện hỗ trợ chưa phù hợp với thực tế.

- Đối với các cơ quan, tổ chức trên địa bàn Tỉnh: qua kết quả khảo sát thi hành pháp luật đối với Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND các đơn vị đã có ý kiến cho rằng cần thay thế quy định về chính sách khuyến khích nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục, đào tạo cho phù hợp tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hiện nay. Cụ thể có 05/05 (chiếm 100%) ý kiến của các tổ chức về điều chỉnh chính sách để phù hợp với nhu cầu thực tế.

Về chi phí: mức chi phí thực hiện chính sách khuyến khích nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục, đào tạo trong thời gian qua chưa phát sinh.

*b) Tác động về xã hội:*

Trong bối cảnh khoa học và công nghệ có vai trò là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội như hiện nay, nếu giữ nguyên quy định của Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND là chưa thực hiện vai trò của khoa học và công nghệ trong hoạt động phối hợp với giáo dục và đào tạo, như chủ trương của Đảng và Nhà nước.

*c) Tác động về giới:*

Giải pháp này không có tác động về giới

*d) Tác động về thủ tục hành chính:*

Vì chính sách quy định các điều kiện và quy trình hỗ trợ thông qua kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn KH&CN; ký kết hợp đồng triển khai nên không thể thực hiện theo quy định thủ tục hành chính; chính vì vậy, hoạt động hỗ trợ theo chính sách không làm phát sinh thủ tục hành chính.

*e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

Quy định của chính sách về cơ bản mục đích xây dựng chính sách đã đúng định hướng của Đảng và Nhà nước, tạo ra hệ thống pháp lý cho hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của tỉnh.

Tuy nhiên, thực tiễn hơn 05 năm thực thi chính sách hỗ trợ nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục và đào tạo chưa có tổ chức, cá nhân đề xuất nội dung triển khai do còn tồn tại một số vướng mắc, bất cập nhất định cần được sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, đồng thời kiện toàn hệ thống chính sách liên quan đến phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Mặt khác việc ban hành chính sách theo Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND là sai thẩm quyền không phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

***\* Giải pháp 2:***

*a) Tác động về kinh tế:*

- Khi ban hành chính sách mới về hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục, đào tạo thay thế của Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND khắc phục được bất cập nêu trên, hoạt động nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục và đào tạo sẽ tạo ra sản phẩm khoa học và công nghệ (ý tưởng, sản phẩm ứng dụng) sẽ được thương mại hoá đưa vào thị trường khoa học và công nghệ, phục vụ thiết thực cho sản xuất và đời sống.

Về chi phí: mức chi phí thực hiện chính sách khuyến khích nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục, đào tạo của tổ chức, cá nhân phát sinh không đáng kể.Đối với nguồn ngân sách hỗ trợ thuộc phạm vi kinh phí nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng được phân bổ hàng năm ; không làm tăng thêm kế hoạch kinh phí.

*b) Tác động về xã hội:*

Trong bối cảnh khoa học và công nghệ có vai trò là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội như hiện nay, việc ban hành với quy định bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ có kinh phí tương đối thấp làm giảm sự chủ động trong đầu tư cho tài sản trí tuệ, hệ quả là chưa tạo được văn hóa đầu tư cho hoạt động sở hữu trí tuệ trong sản xuất, kinh doanh trong cộng đồng doanh nghiệp và tổ chức/ cá nhân.

*c) Tác động về giới:*

Giải pháp này không có tác động về giới

*d) Tác động về thủ tục hành chính:*

Vì chính sách quy định các điều kiện và quy trình hỗ trợ thông qua kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn KH&CN; ký kết hợp đồng triển khai nên không thể thực hiện theo quy định thủ tục hành chính; chính vì vậy, hoạt động hỗ trợ theo chính sách không làm phát sinh thủ tục hành chính.

*e) Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

Qua thực tiễn gần 05 năm thực thi chính sách hỗ trợ nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục và đào tạo chưa có tổ chức, cá nhân đề xuất nội dung triển khai do còn tồn tại một số vướng mắc, bất cập nhất định cần được sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, đồng thời kiện toàn hệ thống chính sách liên quan đến phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh; đảm bảo chính sách khi được ban hành phù hợp, đúng thẩm quyền, đúng quy định trình tự, thủ tục ban hành của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Qua phân tích đánh giá các tác động của các chính sách, mặt tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Cơ quan soạn thảo đề xuất lựa chọn Giải pháp 2 nhằm khắc phục các hạn chế, bất cập của quy định pháp luật hiện hành, phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Để giải quyết những vấn đề bất cập hiện nay, tỉnh Đồng Tháp cần một chính sách hỗ trợ thực tế, gắn với nhu cầu của doanh nghiệp, cụ thể:

- Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành hoặc chỉ đạo các quy định cụ thể, hướng dẫn thực hiện chính sách.

**2. Chính sách 2: Hỗ trợ hoạt động sáng tạo không chuyên**

2.1. Xác định vấn đề bất cập

*Thực trạng của vấn đề:* trên địa bàn tỉnh hiện tại có rất nhiều giải pháp kỹ thuật, công nghệ được tổ chức/ cá nhân chưa có bằng cấp chuyên môn từ cao đẳng trở lên (sau đây gọi tắt là giải pháp sáng tạo không chuyên) nghiên cứu, triển khai áp dụng vào thực tế cũng như tham gia và đạt giải tại: ***(i)*** Các Hội thi sáng tạo kỹ thuật; Cuộc sáng tạo thanh, thiếu niên, nhi đồng do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Đồng Tháp tổ chức; ***(ii)*** Cuộc thi khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo do Tỉnh Đoàn tổ chức; … Tuy nhiên, đến thời điểm báo cáo số lượng giải pháp sáng tạo không chuyên còn ít (02 giải pháp) được xem xét, hỗ trợ theo Quyết định 19.

*Phân tích các bất cập*: việc có nhiều giải pháp sáng tạo không chuyên đã được triển khai áp dụng vào thực tế cũng như tham gia và đạt giải tại các cuộc thi, hội thi nhưng không có nhiều giải pháp có khả năng tiếp cận và được hỗ trợ là do Quyết định 19 về cơ bản đặt ra nhiều quy định khó áp dụng trong thực tế như việc quy định: ***(i)*** Giải pháp sáng tạo không chuyên phải có khả năng xác lập quyền sở hữu công nghiệp (sáng chế, giải pháp hữu ích) trên cơ sở kết quả tra cứu chuyên sâu tại Cục Sở hữu trí tuệ. Nội dung này tương đối khó thực hiện vì đây là các giải pháp từ hoạt động sáng tạo không chuyên, khả năng đăng ký bảo hộ thành công là không cao; ***(ii)*** Việc đánh giá tính khả thi trong ứng dụng và nhân rộng các giải pháp kỹ thuật, công nghệ (để xem xét hỗ trợ) không dựa trên các cơ sở mang tính khoa học và thực tế mà chỉ dựa trên ước lượng chủ quan của tác giả.

*Hậu quả các bất cập:* các bất cập này gây nhiều khó khăn cho tác giả giải pháp cũng như cho cơ quan quản lý trong việc tiếp nhận và quyết định hỗ trợ cho tác giả cụ thể như sau:

Đối với tác giả giải pháp: việc quy định các điều kiện khó áp dụng gây tâm lý e ngại của tác giải trong việc lập hồ sơ đăng ký để được hỗ trợ; bên cạnh đó các tác giả không có trình độ chuyên môn cao nên khả năng trình bày (văn bản, thuyết trình) khó có khả năng thuyết phục Hội đồng tư vấn KH&CN.

Đối với cơ quan quản lý: việc xác định các vấn đề liên quan đến tính hiệu quả, khả năng nhân rộng không dựa trên các cơ sở khoa học vững chắc mà dựa trên các ước lượng chủ quan của tác giả và các thành viên của Hội đồng tư vấn KH&CN; do đó, kết luận của Hội đồng tư vấn KH&CN trong việc lựa chọn được các giải pháp sáng tạo không chuyên để xem xét, hỗ trợ có độ rủi ro cao.

*Nguyên nhân các bất cập:*

- Cơ quan quản lý mong muốn tìm được những giải pháp sáng tạo không chuyên thật sự có hiệu quả khi áp dụng thực tế, có khả năng nhân rộng, thực hiện hỗ trợ tác giả thực hiện thương mại hóa sản phẩm sáng tạo không chuyên và phát huy hiệu quả của hoạt động hỗ trợ từ ngân sách,… nên xây dựng các quy định tương đối chặt chẽ để có thể tìm được những giải pháp sáng tạo không chuyên thật sự hiệu quả;

- Hầu hết các giải pháp sáng tạo không chuyên được nghiên cứu không dựa trên các tiêu chuẩn kỹ thuật nhất định nên sản phẩm không đáp ứng các điều kiện để trở thành hàng hóa; từ đó không có cơ sở giá hiệu quả trong nhân rộng và thương mại hóa sản phẩm nên khó thuyết phục Hội đồng tư vấn KH&CN về tính hiệu quả của sản phẩm khi triển khai trong thực tế.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Xây dựng chính sách hỗ trợ hoạt động sáng tạo không chuyên theo hướng: ***(i)*** Đảm bảo tính khả thi cho các tác giả giải pháp sáng tạo không chuyên trong tiếp cận và thụ hưởng từ chính sách; ***(ii)*** Đảm bảo việc thuận lợi trong hoạt động tiếp nhận đề nghị, thẩm định và tham mưu hỗ trợ của cơ quan quản lý trong đó chú trọng tính hiệu quả của chính sách.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

*- Giải pháp 1:*

+ Kế thừa có chọn lọc các điều kiện hỗ trợ được quy định tại Quyết định 19 theo hướng bỏ các điều kiện về khả năng đăng ký xác lập quyền (sáng chế, giải pháp hữu ích) tại Cục Sở hữu trí tuệ; đồng thời bổ sung các quy định về cơ sở khoa học, bằng chứng về hiệu quả áp dụng các giải pháp sáng tạo không chuyên trong thực tế.

+ Kế thừa quy định về mức kinh phí hỗ trợ hoàn thiện giải pháp sáng tạo không chuyên theo Quyết định 19.

*- Giải pháp 2:* Ngoài các nội dung của Giải pháp 1, bổ sung các quy định về cơ sở khoa học, bằng chứng về hiệu quả áp dụng các giải pháp sáng tạo không chuyên trong thực tế (có so sánh với các giải pháp khác có công năng tương tự); bổ sung về người hướng dẫn khoa học để hỗ trợ tác giả giái pháp sáng tạo không chuyên trong hoàn thiện giải pháp; bổ sung quy định về việc cam kết không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (của tác giả) trong suốt quá trình nghiên cứu, hoàn thiện, ứng dụng giải pháp.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

***\* Giải pháp 1***

*a) Tác động về kinh tế:*

+ Lợi ích: chính sách sẽ tạo điều kiện rất thuận lợi cho tác giả giải pháp sáng tạo không chuyên trong tiếp cận, thụ hưởng chính sách, vì các quy định tương đối dễ tiếp cận và thu hưởng; qua đó, sẽ giúp cho các tác giả có thêm nguồn lực hỗ trợ để hoàn thiện giải pháp và tiến tiến thương mại hóa giải pháp.

Tuy nhiên, việc xây dựng chính sách dễ tiếp cận và thụ hưởng trong một số trường hợp sẽ dẫn đến việc thiếu các quy định mang tính chất sàn lọc để lựa chọn các giải pháp thật sự có tiềm năng nhân rộng và thương mại hóa; từ đó hiệu quả thực hiện chính sách trong thực tế sẽ bị ảnh hưởng.

+ Chi phí: chi phí hỗ trợ hằng năm sẽ gia tăng do có nhiều giải pháp sáng tạo không chuyên được xem xét và hỗ trợ theo chính sách.

*b) Tác động về xã hội:*

Chính sách sẽ tạo hiệu ứng tích cực trong việc khuyến khích phát triển hoạt động sáng tạo không chuyên trong cộng đồng; qua đó từng bước hình thành văn hóa phát huy sáng kiến, sáng tạo kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

*c) Tác động về giới:*

Giải pháp này không có tác động về giới

*d) Tác động của thủ tục hành chính:*

Vì chính sách quy định các điều kiện và quy trình hỗ trợ thông qua kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn KH&CN; ký kết hợp đồng triển khai nên không thể thực hiện theo quy định thủ tục hành chính; chính vì vậy, hoạt động hỗ trợ theo chính sách không làm phát sinh thủ tục hành chính.

*đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

Chính sách được ban hành sẽ giúp cho hệ thống cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hoạt động KH&CN của tỉnh Đồng Tháp được từng bước được hoàn thiện; đảm bảo chính sách khi được ban hành phù hợp, đúng thẩm quyền, đúng quy định trình tự, thủ tục ban hành của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

***\* Giải pháp 2***

*a) Tác động về kinh tế:*

- Lợi ích: tổng chi phí ngân sách hỗ trợ hàng năm tính theo giá tuyệt đối sẽ có gia tăng nhưng không đột biến; đồng thời tạo ra được giá trị lớn trong việc thúc đẩy hình thành văn hóa sáng tạo trong cộng đồng, đặc biệt là hoạt động sáng tạo không chuyên hướng đến việc ứng dụng và khai thác thương mại kết quả hoạt động sáng tạo không chuyên phục vụ sản xuất, kinh doanh.

Việc xây dựng chính sách tương đối mở (dễ tiếp cận và thụ hưởng); đồng thời bổ sung các quy định nhằm nâng cao hiệu quả trong quá trình thẩm định, quyết định hỗ trợ cũng như các quy định nhằm tránh phát sinh các tranh chấp pháp lý về quyền sở hữu trí tuệ,… sẽ giúp nâng cao hiệu quả hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

- Chi phí: việc bổ sung quy định tại chính sách này về cơ bản sẽ làm gia tăng kinh phí hỗ trợ cho tổ chức/ cá nhân từ ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, qua đó cũng góp phần nâng cao chi phí đầu tư đối ứng của doanh nghiệp từ đó góp phần nâng cao mức độ xã hội hóa trong đầu tư về khoa học và công nghệ.

*b) Tác động về xã hội:*

Chính sách sẽ tạo hiệu ứng tích cực trong việc khuyến khích phát triển hoạt động sáng tạo không chuyên trong cộng đồng; qua đó từng bước hình thành văn hóa phát huy sáng kiến, sáng tạo kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

*c) Tác động về giới:*

Giải pháp này không có tác động về giới

*d) Tác động của thủ tục hành chính:*

Vì chính sách quy định các điều kiện và quy trình hỗ trợ thông qua kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn KH&CN; ký kết hợp đồng triển khai nên không thể thực hiện theo quy định thủ tục hành chính; chính vì vậy, hoạt động hỗ trợ theo chính sách không làm phát sinh thủ tục hành chính.

*đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

Chính sách được ban hành sẽ giúp cho hệ thống cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hoạt động KH&CN của tỉnh Đồng Tháp được từng bước được được hoàn thiện; đảm bảo chính sách khi được ban hành phù hợp, đúng thẩm quyền, đúng quy định trình tự, thủ tục ban hành của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Qua phân tích, so sánh giữa chi phí và lợi ích về các mặt của 02 giải pháp, nhận thấy lợi ích từ giải pháp 2 cao hơn xét trên phương diện lợi ích kinh tế ở cả hai khía cạnh là Nhà nước và tác giả giải pháp sáng tạo không chuyên. Vì vậy kiến nghị chọn giải pháp 2 để giải quyết những vấn đề bất cập hiện nay, tỉnh Đồng Tháp cần một chính sách hỗ trợ thực tế, gắn với nhu cầu phát triển hoạt động sáng tạo không chuyên, cụ thể:

- Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành nghị quyết về chính sách khuyến khích nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục, đào tạo và hỗ trợ hoạt động sáng tạo không chuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành hoặc chỉ đạo các quy định cụ thể, hướng dẫn thực hiện chính sách.

**III. Ý KIẾN THAM VẤN**

Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản (Sở Khoa học và Công nghệ) gửi lấy ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp (VCCI) Việt Nam, Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Tháp, các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan bằng văn bản, đồng thời thực hiện đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh 30 ngày để lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân, lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động của chính sách. Sau khi tổng hợp ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan, cơ quan chủ trì, soạn thảo báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến điều chỉnh hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định. Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, tiếp tục hoàn thiện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh gửi các Ban của Hội đồng nhân dân thẩm định trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

**IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

1. Cơ quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết: Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện chính sách. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, tổ chức thi hành chính sách; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh tình hình, kêt quả thực hiện việc hỗ trợ theo chính sách định kỳ hoặc đột xuất; tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh báo cáo thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh theo yêu cầu.

2. Cơ quan giám sát: Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội giám sát, đánh giá việc thi hành chính sách.

**V. PHỤ LỤC**

- Phụ lục 1: Kết quả hỗ trợ hoạt động sáng tạo không chuyên giai đoạn 2018 – 2022;

- Phụ lục 2: Lập dự toán sơ bộ kinh phí hỗ trợ trên năm khi triển khai thực hiện chính sách;

- Phụ lục 3: Bảng tóm tắt báo cáo đánh giá tác động bao gồm:

+ Bảng 1.1. Mô tả tóm tắt chính sách và giải pháp chính sách

+ Bảng 1.2. Xác định đối tượng chịu sự tác động phân tích sơ bộ các loại tác động đối với từng nhóm đối tượng

+ Bảng 1.3. Sàng lọc, xác định loại tác động, trọng tâm và chỉ tiêu đánh giá tác động

+ Bảng 2.1. Tổng hợp các chỉ tiêu được lựa chọn và thông tin ĐGTĐ kinh tế

+ Bảng 2.2. Tổng hợp kết quả của phân tích tác động kinh tế

+ Bảng 2.3. Tổng hợp kết quả chính của phân tích tác động xã hội

+ Bảng 2.4. Mô tả tác động vào các điều kiện bảo đảm thi hành chính sách

+ Bảng 2.5. Xác định tính liên quan tới quy định pháp luật hiện hành

+ Bảng 3. Tổng hợp kết quả chính của phân tích tác động chính sách

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - HĐND Tỉnh;  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - Lãnh đạo VPUBND tỉnh;  - Các Sở: Tư pháp; Tài chính; KH&CN;  - Lưu: VT, KT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Phước Thiện** |

**Phụ lục 1**

**KẾT QUẢ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG SÁNG TẠO KHÔNG CHUYÊN GIAI ĐOẠN 2018 - 2022**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tổ chức/Cá nhân được hỗ trợ** | **Nội dung/**  **Kinh phí hỗ trợ** | **Ghi chú** |
| 1 | Ông Ngô Hùng Thắng/ CÔNG TY TNHH ĐỒNG THÁP TECHNOLOGY TT&P  Địa chỉ: Số 248, ấp Tân Trong, xã tân Mỹ, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. | - Tên sáng chế: “*Hệ thống điều khiển thiết bị tưới thông minh”*  - Kinh Phí: 315.930.000 đồng | Năm 2020 |
| 2 | Ông Đặng Văn Mãi  Địa chỉ: Tổ 5, ấp Bình Tân, xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. | - Giải pháp Hữu ích “*Máy cho cá ăn tự động*”  - Kinh Phí: 278.930.000 đồng | Năm 2021 |
|  | ***Tổng cộng: 631.167.000 đồng***  ***(Sáu trăm ba mươi mốt triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)*** | |  |

**Phụ lục 2**

**LẬP DỰ TOÁN SƠ BỘ KINH PHÍ HỖ TRỢ TRÊN NĂM**

**KHI TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh)*

Căn cứ kết quả hỗ trợ tổ chức/cá nhân đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ theo Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh Đồng Tháp hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục, đào tạo và hoạt động sáng tạo không chuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp trong giai đoạn 2018 - 2022. Dự toán sơ bộ kinh phí hỗ trợ trên năm khi triển khai thực hiện chính sách từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung chính sách hỗ trợ** | **Kinh phí ứớc tính (đồng)** | **Ghi chú** |
| **I** | **CHÍNH SÁCH 1: HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO** |  |  |
|  | Nội dung nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh | 700.000.000 |  |
| **II** | **CHÍNH SÁCH 2: HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG SÁNG TẠO KHÔNG CHUYÊN** |  |  |
|  | Tác giả, nhóm tác giả có giải pháp sáng tạo không chuyên phục vụ sản xuất nông nghiệp. | 800.000.000 |  |
| **TỔNG CỘNG** | | **1.500.000.000** |  |

**PHỤ LỤC 3**

**BẢNG TÓM TẮT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh)*

**Bảng 1.1. Mô tả tóm tắt chính sách và giải pháp chính sách**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Vấn đề thực tiễn** | **Mô tả nội dung chính sách/ hành động của Nhà nước** | **Mục tiêu chính sách/ chỉ tiêu đánh giá kết quả đạt được mục tiêu** | **Các giải pháp chính sách** |
| **I. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO** | | | |
| Xuất phát từ thực tiễn công tác giảng dạy tại cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh, hoạt động nghiên cứu, tìm tòi tri thức của sinh viên, học viên, học sinh luôn luôn cần có và sản phẩm nghiên cứu tại cơ sở giáo dục đào tạo đã minh chứng và góp phần đặc biệt vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy, đào tạo.  Chính sách hiện hành theo Quyết định 19/2018/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã bãi bỏ.  Sinh viên, học viên, học sinh tại các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh chưa tiếp cận những hoạt động nghiên cứu khoa học theo chương trình học tập của học sinh, sinh viên chưa được hỗ trợ, chưa có những sản phẩm nghiên cứu khoa học như mong muốn dẫn đến việc phát hiện và bồi dưỡng tài năng còn hạn chế. | Chính sách hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục, đào tạo | Thông qua việc thực hiện văn bản sẽ tạo được động lực và mở rộng hoạt động nghiên cứu khoa học, góp phần tạo ra và đóng góp vào nguồn tri thức mới; Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần phát hiện và bồi dưỡng nhân tài; Phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng nghiên cứu khoa học độc lập của học sinh, học viên và sinh viên; Hình thành năng lực tự học cho học sinh, học viên và sinh viên; Góp phần tạo ra tri thức, sản phẩm mới cho xã hội.  Ban hành chính sách khuyến khích nghiên cứu khoa học trong lực lượng học sinh, sinh viên, học viên tại các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giảng dạy, đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh thông qua hỗ trợ kinh phí nghiên cứu khoa học. | **Giải pháp 1:**  Giữ nguyên các nội dung quy định tại Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND và kế thừa quy định về mức kinh phí hỗ trợ thực hiện nội dung nghiên cứu khoa học theo Quyết định 19. |
| **Giải pháp 2:**  Xây dựng các nội dung chính sách nhằm khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện cho sinh viên, học viên, học sinh tại cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh có những hoạt động nghiên cứu khoa học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài; phát huy tính năng động, sáng tạo, hình thành năng lực nghiên cứu khoa học cho học sinh, học viên, sinh viên như mục tiêu đề ra và áp dụng các quy định hiện hành về mức kinh phí hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp. |
| **II. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG SÁNG TẠO KHÔNG CHUYÊN** | | | |
| Trên địa bàn tỉnh hiện tại có rất nhiều giải pháp kỹ thuật, công nghệ được tổ chức/ cá nhân chưa có bằng cấp chuyên môn từ cao đẳng trở lên (sau đây gọi tắt là giải pháp sáng tạo không chuyên) nghiên cứu, triển khai áp dụng vào thực tế cũng như tham gia và đạt giải tại:  ***(i)*** Các Hội thi sáng tạo kỹ thuật; Cuộc sáng tạo thanh, thiếu niên, nhi đồng do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Đồng Tháp tổ chức;  ***(ii)*** Cuộc thi khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo do Tỉnh Đoàn tổ chức; … Tuy nhiên, đến thời điểm báo cáo không có bất kỳ giải pháp sáng tạo không chuyên nào được xem xét, hỗ trợ theo Quyết định 19.  - Việc có nhiều giải pháp sáng tạo không chuyên đã được triển khai áp dụng vào thực tế cũng như tham gia và đạt giải tại các cuộc thi, hội thi nhưng không có nhiều giải pháp có khả năng tiếp cận và được hỗ trợ là do Quyết định 19 về cơ bản đặt ra nhiều quy định khó áp dụng trong thực tế như việc quy định:  *(i)* Giải pháp sáng tạo không chuyên phải có khả năng xác lập quyền sở hữu công nghiệp (sáng chế, giải pháp hữu ích) trên cơ sở kết quả tra cứu chuyên sâu tại Cục Sở hữu trí tuệ. Nội dung này tương đối khó thực hiện vì đây là các giải pháp từ hoạt động sáng tạo không chuyên, khả năng đăng ký bảo hộ thành công là không cao;  *(ii)* Việc đánh giá tính khả thi trong ứng dụng và nhân rộng các giải pháp kỹ thuật, công nghệ (để xem xét hỗ trợ) không dựa trên các cơ sở mang tính khoa học và thực tế mà chỉ dựa trên ước lượng chủ quan của tác giả. | Chính sách hỗ trợ hoạt động sáng tạo không chuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | Thông qua việc thực hiện văn bản sẽ tạo được động lực góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh.  Xây dựng chính sách hỗ trợ hoạt động sáng tạo không chuyên nhằm:  **(i)** Đảm bảo tính khả thi cho các tác giả giải pháp sáng tạo không chuyên trong tiếp cận và thụ hưởng từ chính sách;  **(ii)** Đảm bảo việc thuận lợi trong hoạt động tiếp nhận đề nghị, thẩm định và tham mưu hỗ trợ của cơ quan quản lý trong đó chú trọng tính hiệu quả của chính sách. | **Giải pháp 1:**  - Kế thừa có chọn lọc các điều kiện hỗ trợ được quy định tại Quyết định 19 theo hướng bỏ các điều kiện về khả năng đăng ký xác lập quyền (sáng chế, giải pháp hữu ích) tại Cục Sở hữu trí tuệ đồng thời bổ sung các quy định về cơ sở khoa học, bằng chứng về hiệu quả áp dụng các giải pháp sáng tạo không chuyên trong thực tế.  - Kế thừa quy định về mức kinh phí hỗ trợ hoàn thiện giải pháp sáng tạo không chuyên theo Quyết định 19. |
| **Giải pháp 2:**  - Kế thừa có chọn lọc các điều kiện hỗ trợ được quy định tại Quyết định 19 theo hướng bỏ các điều kiện về khả năng đăng ký xác lập quyền (sáng chế, giải pháp hữu ích) tại Cục Sở hữu trí tuệ; đồng thời bổ sung các quy định: về cơ sở khoa học, bằng chứng về hiệu quả áp dụng các giải pháp sáng tạo không chuyên trong thực tế (có so sánh với các giải pháp khác có công năng tương tự); bổ sung về người hướng dẫn khoa học để hỗ trợ tác giả giái pháp sáng tạo không chuyên trong hoàn thiện giải pháp; bổ sung quy định về việc cam kết không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (của tác giả) trong suốt quá trình nghiên cứu, hoàn thiện, ứng dụng giải pháp.  - Kế thừa quy định về mức kinh phí hỗ trợ hoàn thiện giải pháp sáng tạo không chuyên theo Quyết định 19. |

**Bảng 1.2.** **Xác định đối tượng chịu sự tác động phân tích sơ bộ các loại tác động đối với từng nhóm đối tượng**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Các đối tượng chịu tác động | Chịu tác động Kinh tế (Có/Không) | Chịu tác động xã hội  (Có/Không) | Chịu tác động TTHC  (Có/Không) | Chịu tác động về giới  (Có/Không) | Tác động về HTPL (Có/Không) |
| CƠ QUAN NHÀ NƯỚC |  |  |  |  |  |
| - Ủy ban nhân dân Tỉnh  - Sở Khoa học và Công nghệ  - Phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng các huyện, thành phố | có  có  có | có  có  có | Không  Không  Không | Không  Không  Không | có  có  có |
| NGƯỜI DÂN |  |  |  |  |  |
| - Người dân trên địa bàn tỉnh | có | có | không | không | không |
| TỔ CHỨC |  |  |  |  |  |
| - Các trường đại học, trường cao đẳng, trường dạy nghề, trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh;  - Sinh viên, học viên, học sinh tại cơ sở giáo dục, đào tạo;  - Các cá nhân chưa có bằng cấp chuyên môn từ cao đẳng trở lên có sản phẩm đạt giải tại các Hội thi sáng tạo kỹ thuật của tỉnh | có | có | không | không | có |
| ĐỐI TƯỢNG KHÁC |  |  |  |  |  |
| Công chức thực hiện nhiệm vụ qủan lý nhà nước về khoa học và công nghệ | có | không | không | không | có |

**Bảng 1.3. Sàng lọc, xác định loại tác động, trọng tâm và chỉ tiêu đánh giá tác động**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Giải pháp chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL CÓ hay KHÔNG gây ra các tác động sau?*** | **CÓ** | | **KHÔNG** |
| Tăng | Giảm |  |
| **ĐỐI VỚI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC** |  |  |  |
| - Tăng năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp; | x |  |  |
| - Tăng/giảm thu từ thuế cho NSNN | x |  |  |
| - Tăng/giảm chi trang thiết bị, vật tư để thực hiện giải pháp chính sách |  |  | x |
| - Tăng/giảm chi trả tiền lương và các khoản có tính chất như lương |  |  | x |
| - Tăng/ giảm chi ngân sách hoạt động Khoa học và công nghệ hằng năm | x |  |  |
| - Tăng/giảm chi phí tuân thủ pháp luật |  |  | x |
| - Tăng/giảm giải quyết việc làm, phát triển kinh tế- xã hội | x |  |  |
| - Phù hợp với chính sách, nghị quyết của Quốc hội, văn bản QPPL có hiệu lực cao hơn | x |  |  |
| - Phù hợp với bộ máy tổ chức nhà nước tại địa phương | x |  |  |
| **ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN** |  |  |  |
| Tăng/giảm các thu nhập | x |  |  |
| Tăng/giảm cơ hội việc làm, hưởng thụ thực phẩm sạch, an toàn, bảo vệ môi trường | x |  |  |
| Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật | x |  |  |
| Tăng/giảm chi phí tuân thủ pháp luật |  |  | x |
| **ĐỐI VỚI TỔ CHỨC** |  |  |  |
| Tăng/giảm mức thuế phải đóng cho NSNN | x |  |  |
| Tăng/giảm nguồn vốn đầu tư hoạt động khoa học và công nghệ | x |  |  |
| Tăng/giảm năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp | x |  |  |
| Tăng/giảm về tài sản khoa học và công nghệ | x |  |  |
| Tăng/giảm chi phí đầu tư kinh doanh |  | x |  |
| Tăng/giảm chi phí tuân thủ pháp luật |  |  | x |
| **ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG KHÁC** |  |  |  |
| Tăng/giảm chi phí tuân thủ pháp luật |  |  | x |
| Tăng/giảm yêu cầu phục vụ công | x |  |  |

**Bảng 2.1. Tổng hợp các chỉ tiêu được lựa chọn và thông tin Đánh giá tác động kinh tế**

| **CHỈ TIÊU ĐƯỢC LỰA CHỌN** | **THÔNG TIN CỤ THỂ CẦN THU THẬP** | **DỮ LIỆU/ THÔNG TIN** | | | PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN/ NGUỒN THÔNG TIN |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Định lượng* | | *Định tính* |
| *Đơn vị* | *Số lượng/giá trị* |
| **KHU VỰC NHÀ NƯỚC** | | | | | |
| Chỉ tiêu 1: định mức kinh phí | Kinh phí đã hỗ trợ theo Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND | Đồng VN | Trường hợp |  | Thứ cấp |
| Ngân sách từ đầu năm | Đồng VN |  |  | Thứ cấp |
| Chỉ tiêu 2: nội dung hỗ trợ | Nội dung đã hỗ trợ theo Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND | Đồng VN | Trường hợp |  | Thứ cấp |
| Báo cáo hoạt động khoa học và công nghệ … |  |  | X | Thứ cấp |
| Kế hoạch |  |  | X |  |
| **TỔ CHỨC** | | | | | |
| Chỉ tiêu 5: chi phí tuân thủ pháp luật thực hiện TTHC | Lệ phí phải nộp | Đồng VN | Hồ sơ |  | Thứ cấp |
| Photo, in ấn, đi lại.. |  |  | X |  |
| Chỉ tiêu 6: nguồn kinh được hỗ trợ đầu tư | Tổng kinh phí đã hỗ trợ | Đồng VN | Trường hợp |  | Thứ cấp |

**Bảng 2.2. Tổng hợp kết quả của phân tích tác động kinh tế**

Qua kết quả thống kê, mức kinh phí hỗ trợ từ năm 2018 - 2021.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phân tích tác động của giải pháp** | **Loại thông tin** | **Nhà nước** | | **Người dân** | | **Tổ chức** | | **Đối tượng khác** | | **Kết luận tác động của giải pháp** |
| Lợi ích/tác động tích cực | Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách | Lợi ích/tác động tích cực | Chi phí/ Tác động tiêu cực | Lợi ích/ tác động tích cực | Chi phí/ Tác động tiêu cực | Lợi ích/ tác động tích cực | Chi phí/ Tác động tiêu cực |  |
| **Giải pháp chính sách 1** | Định lượng | - | - | - | - |  | - | - | - | Cần điều chỉnh, mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách. |
| Định tính | x | x | x | x | x | x | x | x |
| **Giải pháp chính sách 2** | Định lượng | - | 631.167.000 đồng | - | - | 631.167.000 đồng | - | - | - | Cần xây dựng các điều kiện hỗ trợ thuận lợi hơn cho tác giả và nhóm tác giả tiếp cận và thụ hưởng chính sách. |
| Định tính | x | x | x | x | x | x | x | x |

**Bảng 2.3. Tổng hợp kết quả chính của phân tích tác động xã hội**

***Tích cực: hiệu quả về kinh tế, lợi ích cho nhiều nhóm xã hội;***

***Tiêu cực: không hiệu quả về kinh tế, tác động xấu cho nhiều nhóm xã hội;***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phân tích tác động của giải pháp** | **Loại thông tin** | **Nhà nước** | | **Người dân** | | **Tổ chức** | | **Đối tượng khác** | | **Mức tác động**  **Tích cực, tiêu cực, trung bình không tác động** |
| Tác động tích cực | Tác động tiêu cực | Tác động tích cực | Tác động tiêu cực | Tác động tích cực | Tác động tiêu cực | Tác động tích cực | Chi phí/ Tác động tiêu cực |
| **Giải pháp chính sách 1** | Định lượng |  |  |  |  |  |  |  |  | **Tích cực** |
| Định tính | X |  | X |  | X |  | X |  |
| **Giải pháp chính sách 2** | Định lượng |  |  |  |  |  |  |  |  | **Tích cực** |
| Định tính | X |  | X |  | X |  | X |  |

**Bảng 2.4. Mô tả tác động vào các điều kiện bảo đảm thi hành chính sách**

***Tích cực:*** *hiệu quả về kinh tế, lợi ích cho nhiều nhóm xã hội;*

***Tiêu cực:*** *không hiệu quả về kinh tế, tác động xấu cho nhiều nhóm xã hội;*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Mô tả tác động** | | | | |
| **Tích cực** | **Tiêu cực** | | |
| **I. CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO** | | | | | |
| **Giải pháp 1:** Giữ nguyên các nội dung quy định tại Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND. | | | | | |
| Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân ở góc độ kinh tế. | Ngân sách nhà nước đảm bảo tốt cho hoạt động hỗ trợ | Việc ban hành chính sách không đúng thảm quyền; các quy định về đối tượng còn hẹp, tính bao quát chưa cao, chưa sát với điều kiện thực tế đã hạn chế đối tượng tham gia nghiên cứu khoa học chưa thu hút được các đối tượng tạo ra những sản phẩm nghiên cứu đạt giải có nhiều triển vọng ứng dụng thực tiễn cũng như có chiều hướng phát triển nghiên cứu sâu hơn; từ đó hiệu quả thực hiện chính sách trong thực tế khó thực thi. | | |
| Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân ở góc độ xã hội. | Nhà nước luôn tạo điều kiện tốt nhất cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tiếp cận và thụ hưởng chính sách; | Không có | | |
| Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân từ việc áp dụng TTHC. | Không làm phát sinh thủ tục TTHC | | | | |
| **Giải pháp 2:** Xây dựng các nội dung chính sách nhằm khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện cho sinh viên, học viên, học sinh tại các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh có những hoạt động nghiên cứu khoa học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài; phát huy tính năng động, sáng tạo, hình thành năng lực nghiên cứu khoa học cho học sinh, học viên, sinh viên như mục tiêu đề ra và áp dụng các quy định hiện hành về mức kinh phí hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp | | | | | |
| Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân ở góc độ kinh tế | Ngân sách nhà nước đảm bảo tốt cho hoạt động hỗ trợ; việc hỗ trợ sẽ giúp nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục đào tạo. Xét ở góc độ xã hội thì chính sách hỗ trợ nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục, đào đạo sẽ tạo ra sản phẩm khoa học ứng dụng phục vụ cho sản xuất và đời sống. | | |  | |
| Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân ở góc độ xã hội | - Tạo điều kiện cho sinh viên, học viên, học sinh có những hoạt động nghiên cứu khoa học trong quá trình học tập, góp phần phát hiện và bồi dưỡng nhân tài; phát huy tính năng động, sáng tạo, hình thành năng lực nghiên cứu khoa học cho học sinh, học viên, sinh viên ngay trong môi trường học tập;  - Chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật trên lĩnh vực KH&CN; | | |  | |
| Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân từ việc áp dụng TTHC | Không làm phát sinh thủ tục TTHC | | | | |
| **II. ĐỐI VỚI CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG SÁNG TẠO KHÔNG CHUYÊN** | | | | | |
| **Giải pháp 1 :** Kế thừa có chọn lọc các điều kiện hỗ trợ được quy định tại Quyết định 19 theo hướng bỏ các điều kiện về khả năng đăng ký xác lập quyền (sáng chế, giải pháp hữu ích) tại Cục Sở hữu trí tuệ; đồng thời bổ sung các quy định về cơ sở khoa học, bằng chứng về hiệu quả áp dụng các giải pháp sáng tạo không chuyên trong thực tế. | | | | | |
| Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân ở góc độ kinh tế. | Ngân sách nhà nước đảm bảo tốt cho hoạt động hỗ trợ | | Việc thiếu các quy định mang tính chất sàn lọc để lựa chọn các giải pháp thật sự có tiềm năng nhân rộng và thương mại hóa; từ đó hiệu quả thực hiện chính sách trong thực tế sẽ bị ảnh hưởng. | |
| Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân ở góc độ xã hội. | Nhà nước luôn tạo điều kiện tốt nhất cho các tổ chức kinh tế tiếp cận và thụ hưởng chính sách; doanh nghiệp | | Không có | |
| Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân từ việc áp dụng TTHC. | Không làm phát sinh thủ tục TTHC | | | | |
| **Giải pháp 2:** Kế thừa có chọn lọc các điều kiện hỗ trợ được quy định tại Quyết định 19 theo hướng bỏ các điều kiện về khả năng đăng ký xác lập quyền (sáng chế, giải pháp hữu ích) tại Cục Sở hữu trí tuệ; đồng thời bổ sung các quy định về cơ sở khoa học, bằng chứng về hiệu quả áp dụng các giải pháp sáng tạo không chuyên trong thực tế. | | | | | |
| Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân ở góc độ kinh tế | Ngân sách nhà nước đảm bảo tốt cho hoạt động hỗ trợ; việc hỗ trợ dựa trên hoạt động đầu tư thực chất và có hiệu quả của doanh nghiệp nên sẽ đảm bảo được hiệu quả của hoạt động hỗ trợ. | |  | |
| Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân ở góc độ xã hội | Xét ở góc độ xã hội thì chính sách hỗ trợ hoạt động sáng tạo không chuyên sẽ:  - Nâng cao nhận thức của cộng đồng sáng tạo không chuyên về vai trò của đổi đối, sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh; qua đó nâng cao mức độ xã hội hóa trong việc đầu tư vào KH&CN; từng bước hình thành văn hóa đầu tư, ứng dụng KH&CN trong cộng đồng.  - Chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật trên lĩnh vực KH&CN; | |  | |
| Bảo đảm điều kiện thi hành, tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân từ việc áp dụng TTHC | Không làm phát sinh thủ tục TTHC | | | | |

**Bảng 2.5. Xác định tính liên quan tới quy định pháp luật hiện hành**

***Tích cực:*** *Phù hợp, tương thích và thống nhất*

***Tiêu cực:*** *Trái, không phù hợp, không thống nhất*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHÍNH SÁCH** | **Mô tả tác động** | | | |
| **Tính hợp pháp** | | **Tính thống nhất** | |
| **Tích cực** | **Tiêu cực** | **Tích cực** | **Tiêu cực** |
| **I. CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO** | | | | |
| Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;  Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;  Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học.  Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học. | Phù hợp theo quy định pháp luật (có) | Không tác động | Có | Không tác động |
| **Nghị quyết của HĐND tỉnh:**  Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định về nội dung, định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.. | Có | Không tác động | Có | Không tác động |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1I. ĐỐI VỚI CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG SÁNG TẠO KHÔNG CHUYÊN** | | | | |
| **Giải pháp chính sách 2: xây dựng nghị quyết ban hành cơ chế chính sách 2 theo đề cương** | | | | |
| Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;  Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;  Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ sáng kiến. | Phù hợp theo quy định pháp luật (có) | Không tác động | Có | Không tác động |
| **Nghị quyết của HĐND tỉnh:**  (1) Nghị quyết số 256/2019/NQ-HĐND ngày 16/7/2019 của HĐND tỉnh Đồng Tháp Quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.  (2) Nghị quyết số 282/2019/NQ-HĐND ngày 08/10/2019 của HĐND tỉnh Đồng Tháp Quy định về nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025" trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | Có | Không tác động | Có | Không tác động |

**Bảng 3. Tổng hợp kết quả chính của phân tích tác động chính sách**

| **Các giải pháp** | **Xếp hạng về đánh giá tác động** | | | | **Nhận xét chung** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kinh tế** | **TTHC** | **Xã hội** | **HTPL** |
| *Giải pháp chính sách 1 (Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học tạo cơ sở giáo dục, đào tạo)* | Rất tích cực | Không tác động | Tích cực | Tích cực | Phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học không thể thiếu trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; đây là loại hình hoạt động tạo ra sản phẩm trí tuệ. Nếu được hỗ trợ phát triển sẽ góp phần phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao; phát huy khả năng sáng tạo; hình thành năng lực nghiên cứu khoa học cho học sinh, học viên sinh viên; góp phần tạo ra tri thức, sản phẩm mới cho xã hội. |
| *Giải pháp chính sách 2 (Hỗ trợ hoạt động sáng tạo không chuyên)* | Rất tích cực | Không tác động | Tích cực | Tích cực | Giải pháp sẽ giúp cá nhân, nhóm cá nhân có thêm động lực và chủ động trong việc đầu tư nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp kỹ thuật phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, đặc biệt trên lĩnh vực nông nghiệp; góp phần hình thành và phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo trong cộng đồng. |